

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số: 60/NQ-XNK-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kiên Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 15/5/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được tổ chức vào ngày 15/5/2025, với sự tham gia của 25 Cổ đông và đại diện Cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 22.015.186 Cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 86,57% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (Báo cáo số 53/BC-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (Báo cáo số 03/BC-XNK-BKS ngày 14/5/2025)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán tại Báo cáo số 77/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM ngày 27/02/2025. (Tờ trình số 54/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 55/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh
- 1.1 Mua vào



Signature

- Lương thực (quy gạo) : 278.000 tấn
- Cá cơm (quy tươi) : 900 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

1.2 Bán ra

- Lương thực (quy gạo) : 278.000 tấn
- Cá cơm (thành phẩm) : 225 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

1.3 Doanh thu : 4.550 tỷ đồng

1.4 Lợi nhuận trước thuế : 15,50 tỷ đồng

1.5 Nộp ngân sách : 3,89 tỷ đồng

2. Kế hoạch đầu tư năm 2025 là 16,68 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

(Các chỉ tiêu SXKD và đầu tư chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2025).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 56/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

1. Phân phối lợi nhuận năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế		15.258.069.417
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		9.817.443.725
3.	Lợi nhuận sau thuế	100%	5.233.868.802
a)	Quỹ thưởng người quản lý	1,5%	78.508.032
b)	Quỹ đầu tư phát triển	5,0%	261.693.440
c)	Quỹ phúc lợi	10,0%	523.386.880
d)	Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,5%	27.714.740
f)	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 còn lại	83,0%	4.342.565.710
4.	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 chuyển sang		107.684.290
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		4.450.250.000
	Cổ tức chi bằng tiền mặt: 1,75%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 175 đồng/cổ phần (*)		4.450.250.000

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước		15.500.000.000
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%) ¹		3.100.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế	100%	12.400.000.000
a)	Quỹ thưởng người quản lý	3,0%	372.000.000
b)	Quỹ đầu tư phát triển	10,0%	1.240.000.000
c)	Quỹ khen thưởng	5,0%	620.000.000
d)	Quỹ phúc lợi	5,0%	620.000.000
e)	Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,8%	100.000.000
f)	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 còn lại	76,2%	9.448.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		9.448.000.000
a)	Trả cổ tức năm 2025 chi bằng tiền mặt: 3,7%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 370 đồng/cổ phần (*)		9.409.100.000
b)	Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau		48.501.460

(*) Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025 (nếu có), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6: Thông qua tờ trình số 57/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2025.

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 33.280 triệu đồng

1.2. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 3.029 triệu đồng

1.3. Thù lao thành viên HĐQT, BKS, thư ký là 636 triệu đồng

2. Kế hoạch quỹ tiền lương người lao động và ban điều hành; quỹ lương và thù lao của thành viên HĐQT, BKS, thư ký năm 2025

2.1. Quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành: 41.686 triệu đồng

2.2. Quỹ tiền lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: 504 triệu đồng

2.3. Tổng số tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký là 864 triệu đồng

¹ Công ty chưa tính loại trừ thuế TNDN theo khoản 3 Điều 16 Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 20/02/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 132/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 04/TTr-XNK-BKS ngày 14/5/2025 của Ban kiểm soát Công ty về phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 58/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về ký hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 22.015.186 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông Kigimex;
- Tổng công ty LTMN;
- HĐQT Công ty;
- BKS công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT.

(Tài liệu ĐHĐCĐ 2025).



Bạch Ngọc Văn
(Chủ tịch Hội đồng quản trị)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**
Số: 59/BB-XNK-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kiên Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2025

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

- **Tên Công ty** : Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- **Trụ sở chính** : 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- **Điện thoại** : (0297) 863 491 **Fax:** (0297) 862 309
- **Mã số doanh nghiệp** : Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 10/05/2018
- **Thời gian** : 15 giờ 00 ngày 15 tháng 5 năm 2025
- **Địa điểm** : Trụ sở chính của Công ty – số 85-87 đường Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

PHẦN 1: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Ông Nguyễn Hoàng Thái - Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu trình bày báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 17/3/2025, sở hữu 25.430.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (Công ty).

- Cổ đông tham dự Đại hội: 25 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 22.015.186 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 86,57% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tọa, bao gồm:

- Ông Bạch Ngọc Văn, Chủ tịch HĐQT Chủ tọa
- Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Phó CT HĐQT thường trực, TGD Thành viên
- Ông Phạm Minh Trung, Thành viên HĐQT, Phó TGD Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Đoàn chủ tọa cử Thư ký Đại hội, bao gồm:

- Bà Lý Trần Hải Triều Trưởng ban
- Ông Lê Hoàng Giang Thành viên

4. Chủ tọa giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu, bao gồm:

- Ông Nguyễn Thanh Tiến Trưởng Ban kiểm phiếu
- Ông Trần Thanh Duy Thành viên Ban kiểm phiếu
- Ông Cao Văn Nghị Thành viên Ban kiểm phiếu



Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Ông Bạch Ngọc Văn thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

6. Ông Phạm Minh Trung thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Đại hội nghe trình bày các báo cáo

Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (*Báo cáo số 53/BC-XNK-HĐQT, ngày 14/5/2025*).

Người trình bày: Ông Bạch Ngọc Văn, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (*Báo cáo số 03/BC-XNK-BKS, ngày 14/5/2025*).

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát

II. Đại hội nghe trình bày các tờ trình

Nội dung 01: Tờ trình số 54/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 02: Tờ trình số 55/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025.

Người trình bày: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực, Tổng giám đốc.

Nội dung 03: Tờ trình số 56/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

Người trình bày: Bà Trần Thị Diệp – Kế toán trưởng Công ty.

Nội dung 04: Tờ trình số 57/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025.

Người trình bày: Bà Trần Thị Diệp – Kế toán trưởng Công ty.

Nội dung 05: Tờ trình số 04/TTr-XNK-BKS ngày 14/5/2025 của Ban kiểm soát Công ty về việc phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2025.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 06: Tờ trình số 58/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về thực hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

Người trình bày: Ông Phạm Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.

PHẦN 3: THẢO LUẬN

Sau khi nghe trình bày nội dung các báo cáo, tờ trình, cổ đông không có ý kiến.

PHẦN 4: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu kín các nội dung sau:

Số lượng Đại biểu tham dự: 25

Số lượng Đại biểu uỷ quyền: 83

Đại diện cho: 22.015.186 cổ phần có quyền biểu quyết.

Chiếm: 86,57% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nội dung 01: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (*Báo cáo số 53/BC-XNK-HĐQT, ngày 14/5/2025*).

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 01 đã được thông qua.

Nội dung 02: Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (*Báo cáo số 03/BC-XNK-BKS, ngày 14/5/2025*).

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 02 đã được thông qua.

Nội dung 03: Thông qua Tờ trình số 54/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 03 đã được thông qua.

Nội dung 04: Thông qua Tờ trình số 55/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 04 đã được thông qua.

N: 1700
CÔNG TY
CỔ PHẦN
T NHẬP K
ÊN GIAN
T - TÍNH

Nội dung 05: Thông qua Tờ trình số 56/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 05 đã được thông qua.

Nội dung 06: Thông qua Tờ trình số 57/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 06 đã được thông qua.

Nội dung 07: Thông qua Tờ trình số 04/TTr-XNK-BKS ngày 14/5/2025 của Ban kiểm soát Công ty về phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 07 đã được thông qua.

Nội dung 08: Thông qua Tờ trình số 58/TTr-XNK-HĐQT ngày 14/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 25	- Số cổ phần: 22.015.186	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 08 đã được thông qua.

PHẦN 5: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Người trình bày: Bà Lý Trần Hải Triều, Thư ký Đại hội: Đọc biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản và Nghị quyết đại hội lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Đại hội kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lý Trần Hải Triều Lê Hoàng Giang

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA



Bạch Ngọc Văn





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 (Bắt đầu lúc 15h00 ngày 15 tháng 5 năm 2025)

Thời gian	Nội dung
14h30' - 15h00'	Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông: <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;- Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội.
15h00' - 15h15'	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội;- Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, cử Ban thư ký và bầu Ban kiểm phiếu;- Thông qua Chương trình Đại hội;- Thông qua Quy chế làm việc.
15h15' - 15h45'	Trình bày các báo cáo: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025;- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.
15h45' - 16h05'	Các tờ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025;- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;- Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2025;- Tờ trình phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;- Tờ trình thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty.
16h05' - 16h15'	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.
16h15' - 16h30'	<ul style="list-style-type: none">- Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết.
16h30' - 16h35'	<ul style="list-style-type: none">- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

Thời gian	Nội dung
16h35' - 17h00'	<ul style="list-style-type: none"> - Mời phát biểu của Lãnh đạo Tổng công ty; - Ban thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ; - Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
17h00' - 17h05'	- Tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 52/QC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. Đối tượng và phạm vi

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (*Người được ủy quyền*) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

3. Giải thích từ viết tắt

- | | |
|------------|--|
| - Công ty | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang |
| - HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - BKS | Ban kiểm soát |
| - ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| - BTC | Ban Tổ chức |
| - Đại biểu | Cổ đông, người đại diện (<i>Người được ủy quyền</i>) |
| - Đại hội | Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông |

4. Nội dung quy chế

4.1 Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ (điều 19 Điều lệ Công ty)

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu dự

hợp trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành được nêu ở phần trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày **17/3/2025** đều có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tiến hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:

+ Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

+ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm Thư ký đại hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung đại hội;

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;

+ Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4.7 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban tổ chức đại hội cử 02 người làm Ban kiểm tra tư cách đại biểu để phục vụ cuộc đại hội, bao gồm: 01 Trưởng ban và 01 thành viên.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

+ Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;

+ Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với đại hội tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp theo quy định của điều 141 Luật Doanh nghiệp, đại diện đủ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.8 Ban kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đại hội giới thiệu để đại hội thông qua bằng cách giới

Thẻ biểu quyết.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - + Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
 - + Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
 - + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký;
 - + Xem xét và báo cáo đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4.9 Phát biểu tại đại hội

- Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa đại hội. Đại biểu phát biểu nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp và đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung của đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (*kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ*). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình đại hội; Quy chế làm việc tại đại hội; Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung khác tại đại hội (*nếu có*);

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025; báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025; báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “tán thành, không tán thành, không ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “tán thành, không tán thành, không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết “tán thành” vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết “tán thành, không tán thành, không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu

quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã số cổ đông và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “tán thành, không tán thành, không ý kiến” và không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “tán thành, không tán thành, không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự. Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (*Báo cáo, Tờ trình*) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- + Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông (*ngày 17/3/2025*) tổng số cổ phần của Công ty là: 25.430.000 cổ phần tương đương với 25.430.000 quyền biểu quyết.

Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số nội dung được quy định tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại đại hội, đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết.
- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu “tán thành, không tán thành, không ý kiến” của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và phải thông qua trước khi bế mạc đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm

tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

+ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh/phòng ngừa dịch bệnh khác;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh/phòng ngừa dịch bệnh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc;
- Quý cổ đông;
- Lưu VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 53/BC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 như sau:

I. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024

1. Thuận lợi và khó khăn

Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp có nhiều yếu tố bất định rất khó khăn cho việc dự báo và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 với những thuận lợi và khó khăn như sau:

1.1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng công ty Lương thực miền Nam và HĐQT Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty có mối quan hệ tốt với nhà cung ứng, khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.

- Công ty nhận được sự hỗ trợ tín dụng kịp thời và đầy đủ từ các ngân hàng thương mại uy tín, giúp đảm bảo nguồn vốn linh hoạt và ổn định.

- HĐQT Công ty luôn giữ vững quyết tâm lãnh đạo và chỉ đạo trong công tác quản lý, tạo dựng một môi trường làm việc đoàn kết và thống nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD), tập thể lãnh đạo đã thực hiện tốt công tác dự báo xu hướng thị trường đúng thời điểm và thực hiện tốt việc bán xuất khẩu cũng như nội địa.

1.2. Khó khăn

- Ngành hàng Lương thực:

+ Máy móc thiết bị thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sản phẩm chưa đạt độ trong, bóng; năng lực đóng gói túi nhỏ còn kém; công suất xuất – nhập thấp... Thêm nữa, định phí của Công ty rất cao so với các đối thủ cạnh tranh;

+ Giá thành sản xuất của các Xí nghiệp nội bộ Công ty vẫn cao hơn so với các doanh nghiệp đối thủ cạnh tranh;

+ Đội ngũ kinh doanh còn hạn chế để phát triển thị trường, khách hàng mới để tăng sản lượng.

- Ngành hàng Cá cơm:

+ Ngành cá cơm đang phải đối mặt với những yếu tố tác động tiêu cực từ điều kiện thời tiết, ảnh hưởng đến các vùng khai thác cá cơm trắng gần bờ;

+ Cơ sở vật chất, đặc biệt là đội tàu thu mua, đang ngày càng lạc hậu và không đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất chế biến đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

+ Thị trường cá cơm chưa được phát triển mở rộng và chất lượng sản phẩm chưa được cải tiến, đổi mới.

- Ngành Xăng dầu:

Mặc dù mức chiết khấu hiện tại vẫn duy trì được hiệu quả nhất định, nhưng ngành xăng dầu đang phải đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt. Hệ thống cửa hàng không đủ để đảm bảo sự phát triển bền vững và lợi thế cạnh tranh lâu dài trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng khốc liệt.

Tóm lại, tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2024 của công ty đã gặp phải những khó khăn và thuận lợi đan xen, tùy thuộc vào từng ngành hàng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ, nhân viên đã đạt được những kết quả cụ thể như sau.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2024

2.1. Năm 2024, HĐQT chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- Một là, chỉ tiêu thực hiện kế hoạch SXKD:

(i) Sản lượng mua vào:

+ Lúa, gạo (quy gạo): 441.782 tấn, đạt 166,71% so với kế hoạch.

+ Cá cơm (quy tươi): 1.048 tấn, đạt 116,44% so với kế hoạch.

+ Xăng dầu: 19,28 triệu lít, đạt 107,09% so với kế hoạch.

(ii) Sản lượng bán ra:

+ Lúa, gạo (quy gạo): 425.540 tấn, đạt 160,58% so với kế hoạch.

+ Cá cơm: 241 tấn, đạt 107,10% so với kế hoạch.

+ Xăng dầu: 18,88 triệu lít, đạt 104,88% so với kế hoạch.

(iii) Kim ngạch xuất khẩu: 226,32 triệu usd, đạt 157,30% so với kế hoạch.

(iv) Doanh thu: 7.403 tỷ đồng, đạt 172,06% so với kế hoạch.

(v) Lợi nhuận trước thuế: 15,26 tỷ đồng, đạt 101,72% so với kế hoạch.

(vi) Nộp ngân sách (*số đã nộp*): 9,35 tỷ đồng theo đúng quy định.

(vii) Thực hiện kế hoạch đầu tư: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai được 13/16 hạng mục, với tổng giá trị 5,42 tỷ đồng, đạt 65,26 % so với kế hoạch. Trong đó: Có 3 hạng mục không thực hiện do Công ty tận dụng, sửa chữa lại để tiếp tục sử dụng.

(viii) Quỹ tiền lương, thù lao: Tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và thư ký năm 2024 được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán trình ĐHĐCĐ. Chi tiết tiền lương, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, Tổng giám đốc (TGD) và người quản lý khác của Công ty được báo cáo tại tờ trình về tiền lương, thù lao trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Hai là, công tác quản trị doanh nghiệp:

(i) Triển khai mô hình quản trị tập trung cho cả 03 ngành hàng gạo, cá cơm, xăng dầu đã phát huy hiệu quả và giảm thiểu rủi ro thấp nhất cho các phát sinh trong kinh doanh và tài chính;

(ii) Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị, quản lý và tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra góp phần tăng hiệu quả cho Công ty;

(iii) Đổi mới phương pháp làm việc, phân công và giao nhiệm vụ mục tiêu rõ ràng cho từng đơn vị, bộ phận với phương châm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm;

(iv) Ban hành sửa đổi các quy định, quy chế; chức năng nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu mới của công việc hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả hơn và kiểm soát được rủi ro;

(v) Quyết liệt chủ trương tuyển dụng và đào tạo bộ máy kinh doanh giao dịch đàm phán xuất khẩu, bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định dù sản lượng còn rất nhỏ cho các khách hàng mới, thị trường mới nhưng xác định đây là hướng đi đúng cần tiếp tục duy trì và phát huy;

(vi) Thành lập Tổ Quản lý hàng hóa nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hàng hóa tồn kho của Công ty, góp phần giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh;

(vii) Chỉ đạo thực hiện mô hình Xí nghiệp điểm tại Xí nghiệp Vĩnh Thắng, đã đạt được những kết quả nhất định và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới và nhân rộng cho các xí nghiệp khác;

(viii) Chủ trương thực hiện giải pháp đầu tư chiến lược và giải pháp hạ giá thành sản xuất thông qua tăng cường mua lúa/gạo lứt và tiết kiệm trong sản xuất chế biến.

3. Các cuộc họp và quyết định của HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT công ty đã tổ chức 21 cuộc họp về các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT để định hướng, chỉ đạo Ban Điều hành lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng Điều lệ, Quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty đã tiến hành miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Đặng Quốc Việt, với lý do: Không còn là cổ đông lớn của Công ty. Đồng thời tại đại hội cũng đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là bà Trần Tú Khanh (*được Tổng công ty lương thực miền Nam – CTCP đề cử*).

HĐQT đã ban hành 31 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, huy động vốn, đầu tư, lựa chọn đơn vị kiểm toán, chi trả cổ tức, tổ chức ĐHĐCĐ. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ Công ty.

4. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ đối với Ban TGD trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty, thông qua yêu cầu báo cáo thường xuyên, đột xuất và tham dự các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết, cuộc họp khác của Công ty. Ban TGD đã tuân thủ nghiêm các quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Việc giám sát được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, và HĐQT trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Ban TGD đã chủ động và kịp thời ứng phó với các biến động phức tạp từ thị trường trong và ngoài nước, điều

chính phương pháp quản trị doanh nghiệp phù hợp, giảm thiểu rủi ro và bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Các công việc giám sát và chỉ đạo trong năm 2024:

+ Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và các Nghị quyết của HĐQT.

+ Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty đạt hiệu quả theo kế hoạch đề ra.

+ Tập trung chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát năng cao hiệu quả chỉ đạo của Ban điều hành trong hoạt động SXKD của công ty.

+ Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, bảo đảm phát triển vốn chủ sở hữu, với tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu dưới 03 lần.

+ Giám sát công tác kinh doanh xuất nhập khẩu và các hoạt động đầu tư, mua sắm của Công ty.

+ Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo đúng quy định.

- Kết quả giám sát:

+ Ban TGDĐ đã nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Việc tuân thủ các quy định pháp lý, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty được thực hiện đầy đủ.

+ Ban TGDĐ đã chủ động rà soát và kiểm soát tốt việc sử dụng vốn, đảm bảo đạt hiệu quả tối ưu trong sản xuất kinh doanh. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT, cùng với Nghị quyết ĐHĐCĐ, đã được triển khai đúng tiến độ và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty

Trong năm 2024, Công ty có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (*Công ty mẹ*) và các Công ty con, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Lương thực miền Nam: Công ty Lương thực Long An, Công ty Lương thực Tiền Giang, Công ty cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm (*Mecofood*) theo đúng Điều lệ và quy định của Pháp luật.

II. Phương hướng nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025

- Kế hoạch SXKD

(i) Sản lượng mua vào

+ Lúa, gạo (quy gạo) : 278.000 tấn

+ Cá cơm (quy tươi) : 900 tấn

+ Xăng dầu : 18 triệu lít

(ii) Sản lượng bán ra:

+ Lúa, gạo (quy gạo) : 278.000 tấn

+ Cá cơm (thành phẩm) : 225 tấn

+ Xăng dầu : 18 triệu lít

(iii) Doanh thu : 4.550 tỷ đồng

(iv) Lợi nhuận trước thuế : 15,50 tỷ đồng

(v) Nộp ngân sách nhà nước : 3,89 tỷ đồng

- Kế hoạch đầu tư

(i) Kế hoạch đầu tư năm 2025 là 16,68 tỷ đồng, gồm 38 hạng mục (*Đính kèm phụ lục danh mục các hạng mục đầu tư và thuyết minh*);

(i) Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn vay

(*Các chỉ tiêu SXKD và đầu tư chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2025*).

2. Định hướng và giải pháp hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Năm 2025 tiếp tục thực hiện phương châm hành động là **“Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đột phá – Phát triển”** trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng, Công ty đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD và các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua. Theo đó, HĐQT Công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm để giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện trong năm 2025, như sau:

- Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo trong việc giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý. Mọi quyết định chiến lược sẽ được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo sự phát triển vững mạnh của Công ty.

- Cải tiến và nâng cao năng lực quản trị, quản lý để đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường và pháp luật. Đảm bảo tính minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty và tối ưu hóa khả năng quản lý tài chính, nhằm tăng trưởng bền vững.

- Rà soát toàn diện cơ cấu tổ chức, xây dựng lộ trình tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu suất hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường kinh doanh trong thời đại trí tuệ nhân tạo phát triển.

- Tiếp tục giám sát việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và các quy chế quản lý nội bộ, đặc biệt trong các hoạt động mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu. Đồng thời, thường xuyên rà soát và điều chỉnh các quy chế này để phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

- Tăng cường công tác đầu tư chiến lược, tập trung nguồn lực vào các hạng mục trọng yếu phục vụ trực tiếp cho hoạt động SXKD, đặc biệt SXCB xuất khẩu gạo. Đồng thời, rà soát và đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư hiện tại nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả. Mọi quyết định đầu tư sẽ được thực hiện trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hướng đến mục tiêu gia tăng giá trị cho cổ đông và các bên liên quan.

- Xây dựng phương án, giải pháp cụ thể để hoàn thành vượt mức, có tăng trưởng từ 8% trở lên đối với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Tổng Công ty giao nhiệm vụ.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo và thu hút nhân tài sẽ được đẩy mạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu và các lĩnh vực có khả năng mở rộng thị trường. Công ty sẽ xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ nhân viên.

- Chỉ đạo các hoạt động nâng cấp, sửa chữa các dây chuyền máy móc thiết bị tại các xí nghiệp gạo để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, giảm chi phí vận hành và nâng cao năng suất. Đồng thời, việc thanh lý các tài sản không cần thiết sẽ giúp công ty giải phóng vốn và giảm chi phí cố định.

- Chỉ đạo và giám sát giải pháp cải tiến quy trình, giá thành sản xuất chế biến và chất lượng sản phẩm cá cơm, mở rộng và phát triển thị trường cá cơm trong nước và xuất khẩu.

- Giải pháp tăng cường hiệu quả kinh doanh xăng dầu; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ; tiết giảm chi phí; mở rộng và phát triển khách hàng, thị phần.

- Chuyển đổi số sẽ được thực hiện theo lộ trình và kế hoạch đã được phê duyệt, với mục tiêu nâng cao khả năng quản lý, tối ưu hóa quy trình làm việc và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Tổng thể, HĐQT sẽ tập trung vào việc nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa tài sản và phát triển các chiến lược đầu tư có lợi nhuận, từ đó đảm bảo công ty đạt được các mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2025.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn



Phục lục kết quả đầu tư 2024

(Kiểm theo Báo cáo số 53/BC-XNK-HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2025)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024		
		Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Cty	Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Cty
I.	Hạng mục thực hiện đầu tư trong năm 2024	7.250	3.591	3.659	5.423	2.143	3.280
1.	05 băng tải di động (6 mét/cây) XN Sơn Thuận	230		230	219		219
2.	Máy nén khí 5,5 Kw cho hệ thống cân xuất XN Sơn Thuận	50		50	54		54
3.	Cân băng tải 02 cây (mới 100%) XN Sơn Thuận	120		120	129,6		129,6
4.	01 máy tách màu công suất 08-12 tấn/giờ XN An Hòa	1.250	875	375	1.218,9	853,2	365,7
5.	2 máy nén khí 100 Hp XNAH	570	399	171	555,9	389,1	166,8
6.	Thiết bị phụ trợ máy tách màu XN An Hòa	530	371	159	515,5	360,8	154,7
7.	Hệ thống băng tải nhập hàng trên không XNAH	780	546	234	771,8	540,3	231,5
8.	01 cân xuất đóng bao 50kg XK Tân Phú	300		300	299		299
9.	Đầu tư lắp đặt trụ bơm xuất hoá đơn điện tử An Bình	600		600	505,2		505,2
10.	Màn hình led (Hội trường /phòng họp)	220		220	167		167
11.	Tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	2.000	1.400	600	796,8	-	796,8
12.	Hệ thống báo cháy tự động XN Thanh Hưng	300		300	141,3	-	141,3
13.	Hạng mục chuyển đổi số Văn phòng công ty.	300		300	49	-	49

II.	Hạng mục không thực hiện theo kế hoạch 2024	1.060	560	500	-	-	-
1.	Hệ thống băng tải xuất nhập vượt lộ XN Thanh Hưng.	800	560	240	-	-	-
2.	Cân bằng tải 01 cây (mới 100%) XN Thanh Hưng.	60		60			
3.	Đầu tư mới 2 trụ bơm xăng dầu XN An Bình.	200		200			
Tổng cộng (I)+(II)		8.310	4.151	4.159	5.423	2.143	3.280



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 03/BC-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang; Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Cùng kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2024, các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Và sau đây, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang các nội dung chính như sau:

I. Về hoạt động của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có 3 người, gồm:

- Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách;
- Ông Trần Công Lý – thành viên BKS kiêm nhiệm;
- Bà Trần Thị Phương Lan – thành viên BKS kiêm nhiệm.

2. Về tổ chức các cuộc họp

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, họp định kỳ 6 tháng, các thành viên tham gia trao đổi và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp. Các cuộc họp của Ban kiểm soát thảo luận về các vấn đề liên quan đến kế hoạch công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá các mặt làm được và chưa làm được, trong các cuộc họp cả 3 thành viên cùng thống nhất với các kết quả kiểm tra và kiến nghị đã được nêu tại các báo cáo kiểm tra.

3. Các công tác đã thực hiện năm 2024

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc khi được mời, để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư; tham gia thảo luận tại các cuộc họp, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Thực hiện việc giám sát hoạt động và việc tuân thủ pháp luật theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Người quản lý khác trong việc quản lý điều hành Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, kiểm tra sổ sách báo cáo kế toán của Công ty định kỳ 6 tháng và cả năm.
- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

4. Về thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ. Các thành viên BKS kiêm nhiệm được hưởng thù lao nằm trong hạn mức đã được phê duyệt là 4 triệu đồng/người/tháng.
- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là chi cho các khoản công tác phí đi lại kiểm tra tại các đơn vị định kỳ, được Công ty thanh toán đúng theo quy định pháp luật.

II. Về kết quả giám sát, thẩm định và nhận xét của Ban kiểm soát

1. Đánh giá đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty

Để giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hay không, Ban Kiểm soát đã đảm bảo thực hiện các chức năng trên cơ sở xem xét tính phù hợp của các Quyết nghị của HĐQT, tính tuân thủ trong triển khai thực hiện của Ban Tổng giám đốc đối với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.

1.1. Đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 đều thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:

- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
- Hợp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất xem xét, đánh giá tình hình SXKD từng tháng, quý và đề ra các giải pháp, phương hướng cho quý tiếp theo.
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ Điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

1.2. Đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban TGD đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty. Năm 2024, với sự nỗ lực và quyết tâm cao, Ban Điều hành cùng Tập thể người lao động đã hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty. Đây cũng là kết quả rất đáng trân trọng và ghi nhận! Vì trong bối cảnh năm 2024, có nhiều khó khăn, thuận lợi đan xen; nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, khi tỷ giá đồng USD và giá gạo liên tục biến động giảm trong 06 tháng cuối năm. Nhưng vượt lên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch được giao.

1.3. Đánh giá về sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Giữa HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai đúng quy định, cụ thể:

- HĐQT và Tổng Giám đốc đã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, như:
 - + Mời tham gia các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT và Ban TGD để Ban Kiểm soát nắm sát tính hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tổng giám đốc đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu trong quá trình Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại các Phòng ban, Chi nhánh và các quyết định của HĐQT, Ban điều hành.

- Ngược lại, đối với các ý kiến đánh giá, nhận xét, kiến nghị của Ban Kiểm soát (nếu có) đối với HĐQT, Ban TGD cũng đều được ghi nhận và xem xét triển khai thực hiện.

2. Về thẩm định báo cáo tài chính và nhận xét của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính năm 2024 của công ty Cổ phần XNK Kiên Giang được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, và xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 đã được kiểm toán đúng theo chuẩn mực kế toán Việt nam và các qui định của pháp luật hiện hành, báo cáo tài chính được trình bày phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

- Ban kiểm soát nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

3. Đánh giá kết quả kinh doanh thực hiện theo Nghị quyết số 41 của Đại hội đồng cổ đông 2024

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch SXKD theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

- Mua vào

+ Lúa, gạo (quy gạo): 441.782 tấn, đạt 166,71% so với kế hoạch.

+ Cá cơm (quy tươi): 1.048 tấn, đạt 116,44% so với kế hoạch.

+ Xăng dầu: 19,28 triệu lít, đạt 107,09% so với kế hoạch.

- Bán ra

+ Lúa, gạo (quy gạo): 425.540 tấn, đạt 160,58% so với kế hoạch.

+ Cá cơm: 241 tấn, đạt 107,10% so với kế hoạch.

+ Xăng dầu: 18,88 triệu lít, đạt 104,88% so với kế hoạch.

- Kim ngạch xuất khẩu: 226,32 triệu usd, đạt 157,30% so với kế hoạch.

- Doanh thu: 7.403 tỷ đồng, đạt 172,06% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: 15,26 tỷ đồng, đạt 101,72% so với kế hoạch.

- Nộp ngân sách (số đã nộp): 9,35 tỷ đồng theo đúng quy định.

4. Về hoạt động đầu tư năm 2024

Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2024 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 với tổng khái toán vốn đầu tư là 8,31 tỷ đồng (giá trị thuần chưa thuế và phí theo quy định), trong đó các hạng mục năm 2023 chuyển sang với giá trị đầu tư là 2,60 tỷ đồng, kế hoạch đầu tư mới năm 2024 là 5,71 tỷ đồng.

Kết quả triển khai đến 31/12/2024: 5,42 tỷ đồng, đạt 65,26 % so với kế hoạch. Trong đó: Có 3 hạng mục không thực hiện do Công ty tận dụng, sửa chữa lại để tiếp tục sử dụng.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã triển khai nghiêm túc các kế hoạch đầu tư theo đúng định hướng phát triển của công ty.

5. Về kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Về nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, công ty đã thực hiện với kết quả như sau:

- Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;

- Công ty đã thực hiện chi tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, ban điều hành năm 2024 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Thực hiện đạt kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo NQ Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo nghị Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 như sau:

- + Chia cổ tức: 9.536.250.000 đồng;

- + Quỹ thưởng người quản lý: 299.125.000 đồng;

- + Quỹ đầu tư phát triển: 1.250.356.859 đồng;

- + Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 1.250.356.860 đồng;

- + Quỹ tham gia hoạt động từ thiện: 100.000.000 đồng.

6. Đánh giá về các giao dịch mua, bán với các bên có liên quan với Công ty

Trong năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng mua hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (*Công ty mẹ*) và các bên có liên quan theo đúng quy định, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

III. Phương hướng, kế hoạch năm 2025 của BKS

1. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, quy định, quy chế công ty.

3. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư trong năm 2025.

5. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, quyết toán quỹ tiền lương, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí.

6. Kiểm tra tính tuân thủ, tình hình quản lý tài chính trong các hoạt động kinh doanh.

7. Lập các báo cáo giám sát định kỳ theo quy định.

IV. Kiến nghị của BKS đối với HĐQT, ban TGD công ty

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng và thực hiện mục tiêu chiến lược kinh doanh trong năm 2025, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1. Tiếp tục tăng cường kiểm soát tốt các khoản chi phí, bảo toàn các cơ hội kinh doanh để đạt được kết quả như kế hoạch đề ra và hoàn thành sớm các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các qui định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại Công ty.

3. Tiếp tục kiểm soát tốt hàng tồn kho, chất lượng đầu vào, đầu ra của các đơn vị trực thuộc nhằm giảm tối đa chi phí, giảm giá thành, tăng cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.

4. Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường của 3 ngành hàng để có kế hoạch mua vào, bán ra phù hợp.

5. Tăng cường công tác thu hồi công nợ đến hạn, nợ khó đòi, tiết giảm tối đa chi phí nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Mai Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 54/TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website: www.kigimex.com.vn, bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán độc lập;
2. Bảng cân đối kế toán;
3. Báo cáo kết quả kinh doanh;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Báo cáo thiết minh tài chính.

Trong đó, ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập có trình bày nội dung như sau:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2024)

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Trần Công Lý	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dương Thị Thanh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Số: 77/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 10/01/2025, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		853.900.016.529	865.550.848.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.096.855.325	149.461.474.363
1. Tiền	111		22.096.855.325	149.461.474.363
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		258.633.275.627	169.424.798.654
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	258.082.778.045	166.422.930.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	704.341.990	2.334.968.659
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	288.002.276	1.126.350.025
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(441.846.684)	(459.450.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	525.106.170.194	492.183.119.332
1. Hàng tồn kho	141		534.818.676.296	525.119.202.134
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.712.506.102)	(32.936.082.802)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.063.715.383	54.481.456.475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.756.461.002	1.324.636.590
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.307.134.381	53.069.423.709
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	120.000	87.396.176
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		182.431.144.099	191.639.243.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	75.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	75.000.000
II. Tài sản cố định	220		122.264.005.102	133.718.295.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	122.264.005.102	133.718.295.071
- Nguyên giá	222		464.335.338.912	460.629.560.972
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.071.333.810)	(326.911.265.901)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.153.188.307	1.356.388.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	2.153.188.307	1.356.388.307
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		57.938.950.690	56.489.559.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	57.938.950.690	56.489.559.966
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.036.331.160.628	1.057.190.092.168

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		771.229.517.139	786.136.585.621
I. Nợ ngắn hạn	310		769.379.417.139	783.100.388.880
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	19.218.399.630	343.853.871.958
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	6.912.098.944	13.718.429.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.325.080.790	5.943.542.676
4. Phải trả người lao động	314		10.603.939.062	9.020.990.609
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	19.989.653.148	19.994.671.686
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	614.028.500	642.686.249
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	690.222.039.497	380.428.915.900
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		12.471.000.000	7.500.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.023.177.568	1.997.280.066
II. Nợ dài hạn	330		1.850.100.000	3.036.196.741
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.850.100.000	3.036.196.741
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		265.101.643.489	271.053.506.547
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	265.101.643.489	271.053.506.547
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.460.090.397	4.209.733.538
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.341.553.092	12.543.773.009
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		107.684.290	40.204.417
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.233.868.802	12.503.568.592
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.036.331.160.628	1.057.190.092.168

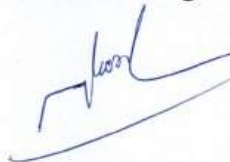
Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chúc Hà


Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Tổng Giám đốc




Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.403.990.025.919	7.282.204.058.373
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.009.800.000	14.352.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		7.402.980.225.919	7.267.852.058.373
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.773.860.280.371	6.585.983.917.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		629.119.945.548	681.868.140.603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	51.122.962.796	60.324.729.415
7. Chi phí tài chính	22	6.4	97.339.539.203	107.872.083.791
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.402.468.567	58.242.141.651
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	501.457.340.414	528.093.904.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	66.375.424.813	65.463.271.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		15.070.603.914	40.763.610.128
11. Thu nhập khác	31	6.7	486.253.199	2.519.162.739
12. Chi phí khác	32	6.7	298.787.696	22.257.678.503
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	187.465.503	(19.738.515.764)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.258.069.417	21.025.094.364
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	10.024.200.615	8.521.525.772
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.233.868.802	12.503.568.592
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	206	427

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chúc Hà



Trần Thị Diệp



Đương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.258.069.417	21.025.094.364
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	15.160.067.909	15.659.449.778
- Các khoản dự phòng	03	(18.270.180.700)	19.815.981.751
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.651.392.244	375.012.258
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(149.161.036)	(3.626.940.801)
- Chi phí lãi vay	06	60.402.468.567	58.242.141.651
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.052.656.401	111.490.739.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(82.018.938.652)	(86.896.649.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.699.474.162)	(310.529.743.759)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(330.174.860.250)	270.307.435.677
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.881.215.136)	348.279.233
- Tiền lãi vay đã trả	14	(60.149.107.174)	(58.651.194.792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.713.694.598)	(6.657.438.937)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	20.900.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.544.484.358)	(1.044.214.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(415.108.217.929)	(81.632.787.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.502.577.940)	(4.559.806.511)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	149.161.036	3.780.803.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.353.416.904)	(779.002.696)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.289.003.648.153	5.944.940.420.782
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.987.378.153.297)	(6.181.239.521.929)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.536.250.000)	(5.086.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	292.089.244.856	(241.385.101.147)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(127.372.389.977)	(323.796.891.127)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	149.461.474.363	473.315.910.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.770.939	(57.545.189)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 5.1	22.096.855.325	149.461.474.363

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025



Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 270 người (tại ngày 31/12/2023 là 254 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sừng sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2024 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa	44 Ngõ Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh Doanh Xăng Dầu An Bình	44 Ngõ Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)*****Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính***

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các khoản trả trước để thuê đất, trong đó bao gồm cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình và các chi phí khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của Hợp đồng thuê đất tương ứng với thời gian từ 40-50 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty (bao gồm cả các khoản phải trả cho Công ty mẹ, các bên liên quan của Công ty mẹ và đơn vị trong cùng Tổng Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: Được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung cấp.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhờn) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Doanh thu bán hàng hóa (Tiếp theo)***

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm khoản giảm giá hàng bán, là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ các khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản giảm khác đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	548.935.000	1.460.390.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.547.920.325	148.001.083.863
Tổng	22.096.855.325	149.461.474.363

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Sikakroabea Co.Ltd (i)	169.407.442.678	25.715.633.278
Dilai Trading Co PTE. Ltd	-	106.637.249.176
Three Hills Ghana Limited	22.408.875.553	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất Nhập Khẩu Ngọc Thiên Hương	36.396.914.375	-
Các đối tượng khác	29.869.545.439	34.070.048.200
Tổng	258.082.778.045	166.422.930.654

- (i) Trong đó, Quyền đòi nợ (bao gồm số dư nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2024 là 59.430.287.860 VND) và lợi ích phát sinh từ các Hợp đồng bán gạo với khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Tài Tiền Giang	-	356.500.000
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật	-	1.410.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hân Phát Kiên Giang	356.878.253	-
Các đối tượng khác	347.463.737	568.468.659
Tổng	704.341.990	2.334.968.659

5.4 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	288.002.276	(126.350.025)	1.126.350.025	(126.350.025)
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	1.000.000.000	-
Các khoản khác	288.002.276	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
b) Dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
Tổng	363.002.276	(126.350.025)	1.201.350.025	(126.350.025)

5.5 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	199.757.000	-	199.757.000	-
Trả trước cho người bán	115.739.659	-	133.343.659	-
Phải thu khác	126.350.025	-	126.350.025	-
Tổng	441.846.684	-	459.450.684	-

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản phải nợ phải thu như sau:

	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm VND	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm VND	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm VND	Quá hạn từ 03 năm trở lên VND
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	-	-	-	129.757.000
Công ty TNHH Tâm Hùng	-	-	-	70.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	-	-	-	65.739.659
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	-	-	-	50.000.000
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	-	-	-	51.385.725
DNTN Mê Linh, An Giang	-	-	-	40.808.300
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	-	-	-	34.156.000
Tổng	-	-	-	441.846.684

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng,

Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.131.353.482	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	68.963.353.520	(7.394.189.725)	188.322.808.980	(17.421.166.014)
Công cụ, dụng cụ	1.352.890.023	-	2.651.899.958	-
Thành phẩm	91.301.940.797	(2.306.973.340)	25.088.361.809	(1.820.616.788)
Hàng hóa	369.069.138.474	(11.343.037)	309.056.131.387	(13.694.300.000)
Tổng	534.818.676.296	(9.712.506.102)	525.119.202.134	(32.936.082.802)

- (i) Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (Thuyết minh số 5.15) tại ngày 31/12/2024 là 523.564.645.215 VND (tại ngày 01/01/2024: 513.197.985.719 VND).

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	1.756.461.002	1.324.636.590
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	764.471.102	517.972.050
Chi phí sửa chữa tài sản	837.177.931	409.089.735
Chi phí bảo hiểm	58.900.533	159.401.217
Chi phí bốc xếp, đồ học, gia công hàng chờ xuất	30.210.511	166.998.255
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.700.925	71.175.333
b) Dài hạn	57.938.950.690	56.489.559.966
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	1.405.145.779	692.548.118
Chi phí sửa chữa tài sản	10.677.670.667	8.926.460.934
Chi phí bảo hiểm	93.319.616	117.830.833
Tiền thuê đất trả trước (i)	45.423.103.391	46.674.598.487
Chi phí trả trước dài hạn khác	339.711.237	78.121.594
Tổng	59.695.411.692	57.814.196.556

- (i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoản thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2024, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng là 43.865.976.020 VND (tại ngày 01/01/2024: 45.079.259.408 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	227.794.301.937	153.174.028.779	77.215.293.520	930.144.630	1.515.792.106	460.629.560.972
Tăng trong năm	-	2.515.550.000	982.260.000	152.006.200	55.961.740	3.705.777.940
Mua trong năm	-	2.515.550.000	982.260.000	152.006.200	55.961.740	3.705.777.940
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	227.794.301.937	155.689.578.779	78.197.553.520	1.082.150.830	1.571.753.846	464.335.338.912
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	153.393.376.808	106.906.378.764	64.282.399.885	841.539.693	1.487.570.751	326.911.265.901
Tăng trong năm	5.797.038.936	6.719.280.738	2.589.086.625	41.803.528	12.858.082	15.160.067.909
Khấu hao trong năm	5.797.038.936	6.719.280.738	2.589.086.625	41.803.528	12.858.082	15.160.067.909
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	159.190.415.744	113.625.659.502	66.871.486.510	883.343.221	1.500.428.833	342.071.333.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	74.400.925.129	46.267.650.015	12.932.893.635	88.604.937	28.221.355	133.718.295.071
Tại ngày 31/12/2024	68.603.886.193	42.063.919.277	11.326.067.010	198.807.609	71.325.013	122.264.005.102

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 95.934.132.817 VND (tại ngày 01/01/2024: 92.311.843.864 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 90.072.274.698 VND (tại ngày 01/01/2024: 98.146.916.052 VND).
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2024 là 19.588.128.360 VND (tại ngày 01/01/2024: 4.857.843.108 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Mua sắm	796.800.000	-
Mua tàu cá	796.800.000	-
b) Xây dựng cơ bản	1.356.388.307	1.356.388.307
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
Tổng	2.153.188.307	1.356.388.307

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Ngày 20/6/2024, Công ty đã gửi văn bản số 21/TTr-XNK-KTĐT đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Kiên Giang để đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án mở rộng sân phơi cá cơm, nhà ở công nhân năm 2024, đồng thời, Công ty đã thực hiện ước tính nghĩa vụ thuế dự kiến phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được phản hồi chính thức từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Siam Golden Rice Company Limited	-	-	95.042.640.000	95.042.640.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	714.694.400	714.694.400	148.488.493.500	148.488.493.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	2.830.000.000	2.830.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Gạo Ngọc Hân Lê	2.654.509.000	2.654.509.000	79.195.000.000	79.195.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	11.668.640.500	11.668.640.500	2.948.900.000	2.948.900.000
Phải trả người bán khác	1.350.555.730	1.350.555.730	18.178.838.458	18.178.838.458
Tổng	19.218.399.630	19.218.399.630	343.853.871.958	343.853.871.958

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Syarikat Pelangi Tinggi	-	10.594.208.743
Timor Food Unipessoal LDA	89.182.470	89.182.470
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	1.020.800.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	3.955.471.650	-
Đối tượng khác	1.846.644.824	3.035.038.523
Tổng	6.912.098.944	13.718.429.736

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	5.943.542.676	10.724.828.684	9.343.290.570	7.325.080.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.893.953.497	10.024.200.615	8.713.694.598	7.204.459.514
Thuế thu nhập cá nhân	49.589.179	454.753.677	383.721.580	120.621.276
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	232.874.392	232.874.392	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phải thu	87.396.176	87.276.176	-	120.000
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	120.000	-	-	120.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	87.276.176	87.276.176	-	-

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí lãi vay	595.047.800	341.686.407
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	18.517.891.193	18.500.143.450
Trích trước chi phí vận chuyển	-	344.552.658
Trích trước chi phí dịch vụ	-	585.449.171
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	876.714.155	222.840.000
Tổng	19.989.653.148	19.994.671.686

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác	614.028.500	642.686.249
Tổng	614.028.500	642.686.249

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	690.222.039.497	690.222.039.497	6.296.992.776.894	5.987.199.653.297	380.428.915.900	380.428.915.900
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>687.072.442.756</i>	<i>687.072.442.756</i>	<i>6.293.843.180.153</i>	<i>5.984.021.253.297</i>	<i>377.250.515.900</i>	<i>377.250.515.900</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	59.430.287.860	59.430.287.860	1.641.560.035.222	1.601.397.526.332	19.267.778.970	19.267.778.970
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	50.586.241.000	50.586.241.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (ii)	353.326.618.896	353.326.618.896	1.555.431.080.924	1.527.363.508.958	325.259.046.930	325.259.046.930
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang	-	-	12.740.000.000	12.740.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	1.475.000.000	1.475.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iii)	42.823.476.000	42.823.476.000	670.961.771.205	639.127.295.205	10.989.000.000	10.989.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (iv)	102.408.408.000	102.408.408.000	1.814.706.858.322	1.734.033.140.322	21.734.690.000	21.734.690.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Cần Thơ (v)	129.083.652.000	129.083.652.000	441.074.873.480	311.991.221.480	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	105.307.320.000	105.307.320.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.149.596.741</i>	<i>3.149.596.741</i>	<i>3.149.596.741</i>	<i>3.178.400.000</i>	<i>3.178.400.000</i>	<i>3.178.400.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (vi)	3.149.596.741	3.149.596.741	3.149.596.741	3.178.400.000	3.178.400.000	3.178.400.000
b) Vay dài hạn	1.850.100.000	1.850.100.000	2.142.000.000	3.328.096.741	3.036.196.741	3.036.196.741
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (vi)	1.850.100.000	1.850.100.000	2.142.000.000	3.328.096.741	3.036.196.741	3.036.196.741
Tổng	692.072.139.497	692.072.139.497	6.299.134.776.894	5.990.527.750.038	383.465.112.641	383.465.112.641

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số 0046/24/HĐK-KIGIMEX ngày 06/9/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang (“Vietcombank Kiên Giang”). Giới hạn cấp tín dụng tối đa cho Công ty là 250.000.000.000 VND, các Hợp đồng tín dụng cụ thể đối với các ngành hàng của Công ty như sau:

Ngành hàng chế biến kinh doanh lúa gạo (lượng thực): Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0046/24/0361/RG/GAO ngày 06/9/2024

Hạn mức cho vay	: 150.000.000.000 VND
Thời hạn hiệu lực	: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 21/8/2025
Thời hạn cho vay của từng khoản vay	: tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay
Mục đích vay	: phục vụ cho sản xuất kinh doanh gạo
Lãi suất	: được xác định cụ thể tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietcombank Kiên Giang trong từng thời kỳ

Ngành hàng xăng dầu: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0046/24/0341/RG/XD ngày 06/9/2024

Hạn mức cho vay	: 60.000.000.000 VND
Thời hạn hiệu lực	: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 21/8/2025
Thời hạn cho vay của từng khoản vay	: tối đa là 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay
Mục đích vay	: phục vụ kinh doanh xăng dầu
Lãi suất	: được xác định cụ thể tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietcombank Kiên Giang trong từng thời kỳ

Các khoản tín dụng với Vietcombank Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc, dây chuyền sản xuất, tài sản gắn liền với đất tại Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay, quyền tài sản phát sinh từ tất cả các Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và bên mua/bên thứ ba hình thành từ nguồn vốn vay do Vietcombank Kiên Giang tài trợ.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Vietcombank Kiên Giang có giá trị là 1.573.000 USD, tương đương 40.191.723.000 VND.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (“BIDV Phú Quốc”) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/679501/HĐTD ngày 28/7/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức cấp tín dụng	: 400.000.000.000 VND;
Thời hạn hiệu lực	: Đến hết ngày 30/6/2025;
Mục đích vay	: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Lãi suất	: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Phú Quốc;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Khoản vay được đảm bảo tài sản thuộc sở hữu Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty; xe ô tô; tàu cá; máy móc thiết bị; toàn bộ hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay do BIDV Phú Quốc tài trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (“Eximbank Sài Gòn”) theo Hợp đồng tín dụng số 1401LAV240095907 ngày 24/9/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức cho vay : 300.000.000.000 VND;
Thời hạn hiệu lực : đến hết ngày 23/9/2025;
Thời hạn của từng khoản vay : Không quá 6 tháng;
Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lương thực (lúa, gạo);
Lãi suất : theo quy định tại khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay : Thế chấp tài sản cố định hữu hình gồm công trình xây dựng trên đất, và hệ thống máy móc thiết bị, kho chứa tại Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Sơn Thuận thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Eximbank Sài Gòn có giá trị là 1.676.000 USD, tương đương 42.823.476.000 VND.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“MSB HCM”) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00018698.01564/2024/HHTD ngày 01/4/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng : 800.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND;
Thời hạn hiệu lực : 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng này;
Thời hạn của từng khoản vay : tối đa 06 tháng;
Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xuất khẩu gạo, thu mua lúa gạo sản xuất trong nước;
Lãi suất : theo quy định tại từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay : cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo theo chính sách tín dụng của MSB HCM.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại MSB HCM có giá trị là 4.008.000 USD, tương đương 102.408.408.000 VND.

(v) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ (“MB Cần Thơ”) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 171769.23.451.1421010.TD ngày 11/01/2024 với thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng : 200.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VND;
Mục đích cấp tín dụng : cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lúa, gạo;
Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng : kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 03/11/2024;
Lãi suất : thực hiện theo chính sách của MB Cần Thơ tại từng thời điểm;
Hình thức bảo đảm tiền vay : thế chấp hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ các phương án do MB Cần Thơ tài trợ.
Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại MB Cần Thơ có giá trị là 5.052.000 USD, tương đương 129.083.652.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(vi) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc ("BIDV Phú Quốc") theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau:

Hợp đồng số 01/2022/679501/HĐTD ngày 29/4/2022:

Số tiền vay	: 4.150.567.592 VND;
Mục đích vay	: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay	: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm; áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay;

Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2022/67950/HĐTD ngày 18/11/2022:

Số tiền vay	: 3.434.555.250 VND;
Mục đích vay	: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay	: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 04/2023/679501/HĐTD ngày 30/6/2023:

Số tiền vay	: 800.000.000 VND;
Mục đích vay	: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
Thời hạn vay	: 36 tháng;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn : 09%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 5% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng cấp tín dụng số 05/2023/679501/HĐTD ngày 01/12/2023:

Số tiền vay	: 1.200.000.000 VND;
Mục đích vay	: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
Thời hạn vay	: 36 tháng;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn : 8,3%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 4,7% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2024/679501/HĐTD ngày 01/7/2024:

Số tiền vay	: 2.142.000.000 VND;
Mục đích vay	: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay	: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31/12/2024, tổng số dư nợ vay trung dài hạn tại BIDV Phú Quốc là 4.999.696.741 VND, trong đó, các khoản nợ vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tiếp theo tính tại ngày 31/12/2024 là 3.149.596.741 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	254.300.000.000	4.039.313.829	5.680.656.976	264.019.970.805
Lãi trong năm trước	-	-	12.503.568.592	12.503.568.592
Chia cổ tức	-	-	(5.086.000.000)	(5.086.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	170.419.709	(170.419.709)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(227.226.280)	(227.226.280)
Trích Quỹ thưởng người quản lý	-	-	(56.806.570)	(56.806.570)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	254.300.000.000	4.209.733.538	12.543.773.009	271.053.506.547
Số dư tại ngày 01/01/2024	254.300.000.000	4.209.733.538	12.543.773.009	271.053.506.547
Lãi trong năm nay	-	-	5.233.868.802	5.233.868.802
Chia cổ tức (i)	-	-	(9.536.250.000)	(9.536.250.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.250.356.859	(1.250.356.859)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(1.250.356.860)	(1.250.356.860)
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(299.125.000)	(299.125.000)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	254.300.000.000	5.460.090.397	5.341.553.092	265.101.643.489

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 41/NQ-XNK-DHĐCĐ ngày 15/4/2024, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý: 2,4% lợi nhuận sau thuế, tương đương 299.125.000 VND;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.250.356.859 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: tổng cộng 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.250.356.860 VND;
- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 0,8% lợi nhuận sau thuế, tương đương 100.000.000 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 3,75% trên vốn điều lệ (375 VND/cổ phần), tương đương 9.536.250.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	21.184.800	83,31%	211.848.000.000	21.184.800	83,31%	211.848.000.000
Các cổ đông khác	4.245.200	16,69%	42.452.000.000	4.245.200	16,69%	42.452.000.000
Tổng	25.430.000	100%	254.300.000.000	25.430.000	100%	254.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	9.536.250.000	5.086.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.460.090.397	4.209.733.538
Tổng	5.460.090.397	4.209.733.538

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m²;
- Thuê đất trả tiền hàng năm: để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m².

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Theo giá trị nguyên tệ		
USD	221.251,88	5.806.565,62
EUR	98,91	130,19
Theo giá trị tương đương VND	5.797.118.289	139.783.383.106
USD	5.794.530.408	139.779.935.805
EUR	2.587.881	3.447.301

c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đình - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoàn	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
Tổng	6.028.350.111	6.028.350.111	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.399.896.019.198	7.281.197.963.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.191.818.316	861.106.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	2.902.188.405	144.988.250
Tổng	7.403.990.025.919	7.282.204.058.373

Trong đó,

Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

411.498.752.100

-

Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại

1.009.800.000

-

Giảm giá hàng bán

14.352.000.000

Tổng**1.009.800.000****14.352.000.000****Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm

7.398.886.219.198

7.266.845.963.349

Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.191.818.316

861.106.774

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác

2.902.188.405

144.988.250

Tổng**7.402.980.225.919****7.267.852.058.373****6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	6.793.824.029.264	6.571.005.358.469
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	3.259.827.807	2.025.758.172
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.223.576.700)	12.952.801.129
Tổng	6.773.860.280.371	6.585.983.917.770

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	149.161.036	3.626.940.801
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	50.973.801.760	56.697.788.614
Tổng	51.122.962.796	60.324.729.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	60.402.468.567	58.242.141.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.285.678.392	49.051.261.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	6.651.392.244	375.012.258
Chi phí tài chính khác	-	203.668.147
Tổng	97.339.539.203	107.872.083.791

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	1.600.025.507	1.593.531.501
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	202.227.547.397	130.232.276.256
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.368.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	593.445.450	636.547.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.160.632.247	387.073.521.412
Chi phí bằng tiền khác	7.870.321.813	8.558.028.475
Tổng	501.457.340.414	528.093.904.820

Trong đó,

Chi phí bán hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

1.611.009.595

-

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	26.155.987.167	29.265.441.822
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	1.817.251.563	3.008.835.594
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.731.183.903	1.966.903.223
Thuế phí và lệ phí	95.331.389	60.182.649
Chi phí dự phòng	8.585.721.946	3.263.180.622
- Trích lập chi phí văn phòng sửa chữa định kỳ	2.870.000.000	3.900.000.000
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(17.604.000)	-
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	5.733.325.946	(636.819.378)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.402.039.417	7.530.560.316
Chi phí bằng tiền khác	20.587.909.428	20.368.167.053
Tổng	66.375.424.813	65.463.271.279

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi, công cụ dụng cụ	-	40.909.091
Nhập kho trấu năm 2022 chuyển sang	-	664.589.500
Thu nhập từ tiền khách hàng chuyển hoàn lại	-	469.929.500
Các khoản phạt, bồi thường hợp đồng kinh tế nhận được	-	477.103.605
Các khoản khác	486.253.199	866.631.043
Tổng	486.253.199	2.519.162.739
Chi phí khác		
Các khoản phạt và hủy hợp đồng kinh tế	-	3.771.506.628
Chi phí bồi thường tổn thất của hợp đồng kinh tế	-	18.295.021.486
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	155.663.475	-
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	99.200.000	68.390.245
Các khoản khác	43.924.221	122.760.144
Tổng	298.787.696	22.257.678.503
Lợi nhuận khác	187.465.503	(19.738.515.764)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, trong đó:	15.258.069.417	21.025.094.364
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>34.353.927.949</i>	<i>21.640.362.192</i>
<i>Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm</i>	<i>117.494.883</i>	<i>-</i>
<i>Tiền thù lao HĐQT không chuyên trách</i>	<i>247.500.000</i>	<i>204.000.000</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi đối với phần vượt trên 1,6 tỷ VND</i>	<i>79.106.868</i>	<i>64.714.198</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.147.522.019</i>	<i>301.163.944</i>
<i>Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>32.732.665.196</i>	<i>20.928.274.094</i>
<i>Lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>29.638.983</i>	<i>142.209.956</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(524.778.739)</i>	<i>(57.827.697)</i>
<i>Lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>(359.778.739)</i>	<i>(57.827.697)</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	<i>(165.000.000)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	49.087.218.627	42.607.628.859
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	49.087.218.627	42.607.628.859
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	9.817.443.725	8.521.525.772
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	206.756.890	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo Quyết định số 353/QĐ-VPHC ngày 16/12/2024</i>	<i>206.756.890</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.024.200.615	8.521.525.772

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	Trình bày lại (ii) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.233.868.802	12.503.568.592
<i>Các khoản điều chỉnh</i>	<i>-</i>	<i>(1.649.481.860)</i>
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	<i>-</i>	<i>(1.549.481.860)</i>
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	<i>-</i>	<i>(100.000.000)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	5.233.868.802	10.854.086.732
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	206	427

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

- (i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.
- (ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2023, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 41/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.503.568.592	12.503.568.592	-
Các khoản điều chỉnh	-	(1.649.481.860)	(1.649.481.860)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(1.549.481.860)	(1.549.481.860)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	12.503.568.592	10.854.086.732	(1.649.481.860)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	492	427	(65)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.851.623.972.358	2.379.245.289.555
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	4.167.112.758.221	4.278.033.363.387
Chi phí nhân công	45.761.295.497	48.397.889.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.411.563.005	16.910.944.874
Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	5.715.721.946	(636.819.378)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	315.031.848.619	413.299.075.203
Chi phí khác bằng tiền	29.473.041.640	29.805.629.899
Tổng	7.431.130.201.286	7.165.055.373.475

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1. Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ
5	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ
6	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ
	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám	
7	đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận	Ảnh hưởng đáng kể
	trong gia đình của những người này	

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản thù lao, lương, thưởng, và thu nhập khác	2.942.229.200	2.401.898.200

*Chi tiết thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:***Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phan Hùng Minh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	21.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	108.000.000	84.000.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	7.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/4/2024)	24.500.000	63.000.000
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/4/2024)	59.500.000	-
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty (Đến ngày 06/5/2024)	16.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tiến	Thư ký Công ty (Từ ngày 06/5/2024)	32.000.000	-
Tổng		540.000.000	427.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 15/4/2024)	14.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	36.000.000
Ông Trần Công Lý	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15/4/2024)	34.000.000	-
Tổng		96.000.000	84.000.000

Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	234.788.000	99.600.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	54.340.000	483.675.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	130.603.200	9.927.200
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	501.814.000	380.120.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc	688.176.000	521.856.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	501.814.000	380.120.000
Ông Phan Hùng Minh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	15.600.000
Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	194.694.000	
Tổng		2.306.229.200	1.890.898.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<u>Mua hàng</u>			63.092.023.875	30.734.974.154
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	50.039.094.875	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	1.578.310.000	323.000.000
		Mua hàng hóa, vật tư	3.163.415.000	-
		Chi phí sửa chữa tài sản	4.935.664.000	2.039.975.000
Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	1.404.000.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	405.540.000	11.255.353.750
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	15.702.355.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	2.970.000.000	10.290.404
<u>Mua dịch vụ</u>			1.611.009.595	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	1.569.342.931	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	41.666.664	-
<u>Bán hàng</u>			411.499.206.645	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	276.827.966.100	-
		Bán hàng hóa	134.670.786.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	454.545	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	7.037.166.782.681	341.765.403.856	24.048.039.382	7.402.980.225.919
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	613.869.403.989	12.185.689.621	3.064.851.938	629.119.945.548
Chi phí thuần của bộ phận	600.474.465.690	10.574.305.721	3.000.570.223	614.049.341.634
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	13.394.938.299	1.611.383.900	64.281.715	15.070.603.914

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	3.517.777.940	188.000.000	-	3.705.777.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.456.051.080	943.268.081	760.748.748	15.160.067.909
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.023.734.898	360.368.392	815.250.917	8.199.354.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024

	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	107.890.770.782	4.748.050.265	9.625.184.055	122.264.005.102
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.153.188.307	2.153.188.307
Các khoản phải thu	247.091.218.593	10.735.891.292	960.010.150	258.787.120.035
Hàng tồn kho	508.760.235.199	6.302.068.394	10.043.866.601	525.106.170.194
Tài sản không thể phân bổ				128.020.676.990
Tổng				1.036.331.160.628
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	45.726.737.742	369.010.000	24.403.980	46.120.151.722
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				692.072.139.497
Nợ phải trả không phân bổ				33.037.225.920
Tổng				771.229.517.139

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.921.097.019.083	325.498.670.859	21.256.368.431	7.267.852.058.373
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	668.800.883.386	10.869.780.682	2.197.476.535	681.868.140.603
Chi phí thuần của bộ phận	628.776.467.692	10.225.862.573	2.102.200.210	641.104.530.475
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	40.024.415.694	643.918.109	95.276.325	40.763.610.128

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	4.419.536.511	140.270.000	-	4.559.806.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.914.498.026	984.203.004	760.748.748	15.659.449.778
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.252.116.679	144.347.463	742.982.513	7.139.446.655

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm
			Tổng
Tài sản bộ phận			
Tài sản cố định	117.829.043.922	5.503.318.346	10.385.932.803
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307
Các khoản phải thu	158.279.479.113	10.428.420.200	50.000.000
Hàng tồn kho	477.326.183.432	5.479.576.685	9.377.359.215
Tài sản không thể phân bổ			261.174.390.145
Tổng			1.057.190.092.168
Nợ bộ phận			
Các khoản phải trả	376.248.398.416	395.761.793	922.813.171
Phải trả tiền vay			377.566.973.380
Nợ phải trả không phân bổ			383.465.112.641
Tổng			22.068.302.859
			783.100.388.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý**Đơn vị tính: VND**Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.640.104.850.609	1.762.875.375.310	7.402.980.225.919

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.057.225.193.028	1.210.626.865.345	7.267.852.058.373

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu**Nguyễn Thị Chúc Hà****Kế toán trưởng****Trần Thị Điệp***Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025***Tổng Giám đốc**
Dương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 55/TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng giám đốc; thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

I. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Mua vào
 - a) Lương thực (quy gạo) : 278.000 tấn
 - b) Cá cơm (quy tươi) : 900 tấn
 - c) Xăng dầu : 18 triệu lít
2. Bán ra
 - a) Lương thực (quy gạo) : 278.000 tấn
 - b) Cá cơm (thành phẩm) : 225 tấn
 - c) Xăng dầu : 18 triệu lít
3. Doanh thu : 4.550 tỷ đồng
4. Lợi nhuận trước thuế : 15,50 tỷ đồng
5. Nộp ngân sách : 3,89 tỷ đồng

II. Kế hoạch đầu tư

- Kế hoạch đầu tư năm 2025 là 16,68 tỷ đồng, gồm 38 hạng mục (Đính kèm phụ lục danh mục các hạng mục đầu tư).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

(Các chỉ tiêu SXKD và đầu tư chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2025).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn



Danh mục các hạng mục đầu tư năm 2025

(Đính kèm Tờ trình số: 55/TTr-XXNK-HĐQT, ngày 14 tháng 5 năm 2025)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Cty & Quỹ ĐTPT	
I	Xí nghiệp CBLT XK Thanh Hưng	2.635	1.498	1.137	
1	Sàng tạp chất 15T/h sàng gạo lứt	155		155	
2	Hệ thống Bù dài phục vụ cho cân định lượng (06 bộ) : Bù dài 9m 12 tấn/h - 14 tấn/h + sàng thao tác + đường ống	500	350	150	
3	Máy lau bóng + thiết bị phụ trợ	650	455	195	
4	Bù dài 15 tấn/giờ (03 bộ) + phụ trợ phần điện	230		230	
5	Thùng chứa Ủ gạo 2 ngăn, sức chứa 200 tấn + móng thùng và thiết bị phụ trợ bằng tải bù dài	990	693	297	
6	Cân băng tải, công suất 35-40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 01 bộ	110		110	
II	Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận	1.300	441	859	
1	Đầu tư 03 băng tải (9m, 6m, 3m) chạy gạo lứt và thiết bị phụ trợ	300		300	
2	Đầu tư cân định lượng tám 3/4	80		80	
3	Mua mới máy nén khí 7,5kW cho hệ thống xay xát bóc vỏ lúa	70		70	
4	Đầu tư hệ thống hút cám cho dây chuyền xay trắng - lau bóng và thiết bị phụ trợ khác	630	441	189	
5	Cân băng tải, công suất 35-40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 02 bộ	220		220	
III	Xí nghiệp CBLT XK An Hòa	2.350	1.568	782	
1	Thùng chứa gạo trắng sảy DxRxC = 5,5m x 5,5m x 6,3m (02 thùng) và phần móng thùng	580	406	174	
2	Bù dài, băng tải, cân đóng bao và thiết bị phụ trợ	710	497	213	

3	Cân định lượng gạo TP (02 bộ), tấm 1/2 (01 bộ), gạo phế (01 bộ) và thiết bị phụ trợ	550	385	165	
4	Đầu tư trồng, đảo dây chuyên lau bóng 2	400	280	120	
5	Cân băng tải, công suất 35-40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyên dữ liệu về máy tính) 01 bộ	110		110	
IV	Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng	8.440	5.404	3.036	
1	Đầu tư mới máy tách màu, Model SC12 Plus	1.590	1.113	477	
2	Máy nén khí 100Hp Hitachi và thiết bị phụ trợ phục vụ cho máy tách màu mới	600	420	180	
3	Khung sàn máy tách màu mới và băng tải	850	595	255	
4	Thiết bị phụ trợ: Bù dài, hệ thống điện, cân định lượng gạo phế phục vụ máy tách màu mới	800	560	240	
5	Đầu tư 06 băng tải ngang cao su di động B600, dài 8m ; công suất 60 tấn/giờ	360		360	
6	Hệ thống băng tải nhập, xuất phía bờ kênh nội bộ và thiết bị phụ trợ	500	350	150	
7	Hệ thống băng tải nhập, xuất phía bờ sông Xáng Cụt và thiết bị phụ trợ	500	350	150	
8	Sàng tạp chất lúa 30-35 tấn/giờ (2 bộ); bù dài 400 đầu vào lò sấy lúa vĩ ngang, công suất 30-40 tấn/giờ (02 bộ)	500	350	150	
9	Băng tải ngang cao su di động B600, dài 5,9m, công suất 60 tấn/giờ	60		60	
10	Cân băng tải, công suất 35-40 tấn/giờ	80		80	
11	Đầu tư 07 băng tải di động dài 7m ; công suất 60 tấn/giờ	450	315	135	
12	Đầu tư cân đóng gói 0,8 kg – 10 kg, năng suất 700-900 túi/giờ và thiết bị phụ trợ (05 bộ): Cân, thùng chứa, băng tải dưới cân, máy hàn miệng túi	980	686	294	
13	Thùng chứa Ủ gạo 3 ngăn, sức chứa 300 tấn + móng thùng chứa	950	665	285	
14	Cân băng tải, công suất 35-40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyên dữ liệu về máy tính) 02 bộ	220		220	
V	Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú	1.220	280	940	

1	Cung cấp, lắp đặt 04 bộ cân đóng gói túi 0,8-10kg, năng suất 700-900 túi/giờ (thay thế 04 cân cũ)	300		300	
2	Hệ thống băng tải liệu rời B500, công suất 30-40 tấn/giờ (28m, 24m, 8m) và thiết bị phụ trợ chuyển gạo về 4 thùng chứa	400	280	120	
3	Xây dựng mới nhà kiểm phẩm	160		160	
4	Xây dựng nhà ăn tập thể	250		250	
5	Cân băng tải, công suất 35-40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 01 bộ	110		110	
VI	Xí nghiệp KD XD An Bình	130	-	130	
1	Mua mới bơm xăng balckmer	130		130	
VII	Xí nghiệp CBCC Hòn Chông	300		300	
1	Đầu tư mở rộng giàn phơi vĩ giai đoạn 2 (dự kiến 3.000 vĩ)	300		300	
VIII	Văn phòng công ty	300		300	
1	Đầu tư công tác chuyển đổi số	300		300	
	TỔNG CỘNG	16.675	9.191	7.484	

(Giá trị đầu tư theo kế hoạch này chưa bao gồm thuế, phí theo quy định)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 56/TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế		15.258.069.417
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		9.817.443.725
3.	Lợi nhuận sau thuế	100%	5.233.868.802
a)	Quỹ thưởng người quản lý	1,5%	78.508.032
b)	Quỹ đầu tư phát triển	5,0%	261.693.440
c)	Quỹ phúc lợi	10%	523.386.880
e)	Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,5%	27.714.740
f)	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 còn lại	83,0%	4.342.565.710
4.	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 chuyển sang		107.684.290
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		4.450.250.000
	Cổ tức chi bằng tiền mặt: 1,75%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 175 đồng/cổ phần (*)		4.450.250.000

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

ST T	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền
1.	Lợi nhuận kế toán trước		15.500.000.000
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%) ¹		3.100.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế	100%	12.400.000.000
a)	Quỹ thưởng người quản lý	3,0%	372.000.000
b)	Quỹ đầu tư phát triển	10,0%	1.240.000.000
c)	Quỹ khen thưởng	5,0%	620.000.000
d)	Quỹ phúc lợi	5,0%	620.000.000
e)	Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,8%	100.000.000
f)	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 còn lại	76,2%	9.448.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		9.448.000.000
a)	Trả cổ tức năm 2025 chi bằng tiền mặt: 3,7%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 370 đồng/cổ phần (*)		9.409.100.000
b)	Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau		48.501.460

(*) Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025 (nếu có), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn

¹ Công ty chưa tính loại trừ thuế TNDN theo khoản 3 Điều 16 Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 20/02/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 132/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 56/TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 như sau:

1. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, người quản lý và thù lao của thành viên HĐQT, BKS và thư ký năm 2024

- 1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 33.280 triệu đồng
- 1.2. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 3.029 triệu đồng
- 1.3. Thù lao thành viên HĐQT, BKS, thư ký là 636 triệu đồng, cụ thể:
 - Hội đồng quản trị : 492 triệu đồng
 - Ban kiểm soát : 96 triệu đồng
 - Thư ký : 48 triệu đồng

2. Kế hoạch quỹ tiền lương người lao động và ban điều hành; quỹ lương và thù lao của thành viên HĐQT, BKS, thư ký năm 2025

- 2.1. Quỹ tiền lương của người lao động và ban điều hành: 41.686 triệu đồng
- 2.2. Quỹ tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 504 triệu đồng
- 2.3. Tổng số tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký là 864 triệu đồng, cụ thể:
 - Chủ tịch HĐQT : 12 triệu đồng/người/tháng
 - Phó chủ tịch HĐQT thường trực : 10 triệu đồng/người/tháng
 - Phó chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên HĐQT (02 người) : 10 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên BKS (02 người) : 7,5 triệu đồng/người/tháng
 - Thư ký (01 người) : 05 triệu đồng/người/tháng

Căn cứ vào tổng số tiền lương và thù lao kế hoạch, Công ty xác định mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương và thù lao hàng tháng cho thành viên HĐQT, BKS, thư ký, người lao động và ban điều hành không vượt mức kế hoạch nêu trên.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông tổng tiền lương và tổng thù lao thực hiện để quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH 


Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 04/TTr-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang (sau đây viết tắt là Công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc lựa chọn danh sách các Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Về các tiêu chí, hình thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Lựa chọn các Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các Công ty đại chúng;
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các Công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín và chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang, bao gồm các Công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH kiểm toán KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

2. Giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách 04 Công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang, đồng thời Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc ký kết

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Mai Trinh

